TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11-3-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Hiệp;

Ông Lý Quang Ngọc.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Suối L, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Chu Văn N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn: Bà Triệu Thị Kim L, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/01/2024, các lời khai sau đó và trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Văn N không được tìm hiểu nhau, kết hôn do mai mối và trên cơ sở tự nguyện. Được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương vào đầu năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, nay là xã Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày đăng ký 18/11/2019. Sau khi chung sống hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi chửi nhau, anh Chu Văn N không quan tâm đến chị, bất đồng trong quan điểm sống, có lúc anh Chu Văn N đánh chị không có lý do. Đến tháng 9/2023 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh Chu Văn N không đến đón và cũng không có ý kiến gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Chu Văn N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu câu được ly hôn với anh Chu Văn N, đề nghị không tiến hành hòa giải và chị đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Chu Thị Hà N, sinh ngày 03/10/2019 hiện đang sống cùng anh Chu Văn N. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Chu Văn N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không cấp dưỡng nuôi con vì không có việc làm, không có thu nhập.

Quá trình chung sống chị và anh Chu Văn N không có tài sản chung gì, không vay nợ ai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày cùng ý kiến nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q và anh Chu Văn N có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Chu Văn N. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 01 con chung là cháu Chu Thị Hà N, sinh ngày 03/10/2019 cho anh Chu Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nguyễn Thị Q không cấp dưỡng nuôi con chung vì chị không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định. Về tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Q do chị Nguyễn Thị Q là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

Tại bản khai ngày 19/02/2024 bị đơn anh Chu Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Q không được tìm hiểu, kết hôn do gia đình mai mối và trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương vào đầu năm 2019, có đăng ký kết hôn tại

Uỷ ban nhân dân xã N, nay là Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày đăng ký 18/11/2019. Sau khi chung sống thì hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi chửi nhau, đến tháng 9/2023 chị chị Nguyễn Thị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị Q yêu cầu ly hôn với anh nên anh cũng nhất trí. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Chu Thị Hà N, sinh ngày 03/10/2019 hiện đang sống cùng anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Nguyễn Thị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày cùng ý kiến với bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q xin ly hôn, anh Chu Văn N nhất trí ly hôn do còn tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có sự yêu thương nhau, sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị Nguyễn Thị Q và anh Chu Văn N được ly hôn. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 01 con chung là cháu Chu Thị Hà N, sinh ngày 03/10/2019 cho anh Chu Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng anh Chu Văn N không yêu cầu chị Nguyễn Thị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tống đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Q: Chị Nguyễn Thị Q và anh Chu Văn N trước khi kết hôn không được tự do tìm hiểu, mà do gia đình mai mối, nhưng tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N nay là xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 18/11/2019. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi chửi nhau, anh N không quan tâm đến chị Q, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Đến tháng 9 năm 2023 chị Q

đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn S, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân, anh N không có hành động hàn gắn tình cảm. Tại biên bản tự khai ngày 19/02/2024 anh N xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Q, đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị Q và anh N là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn và gia đình.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Chu Thị Hà N, sinh ngày 03/10/2019 hiện đang sống cùng anh N. Khi ly hôn chị Q yêu cầu anh N là người trực tiếp nuôi con, chị Q không cấp dưỡng nuôi con do chị không có việc làm, không có thu nhập. Xét thấy từ tháng 9 năm 2023 khi hai vợ chồng ly thân cháu N ở với anh N, do anh N chăm sóc, anh N đồng ý nuôi con và chưa yêu cầu chị Q cấp dưỡng. Do vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để không xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của cháu cần giao cháu N cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N chưa yêu cầu, chị Q có quyền thom nom con chung, không ai được cản trở chị Q thực hiện quyền này.Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q và anh Chu Văn N đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị Q và anh Chu Văn N theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Chu Văn N, cư trú tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Chu Văn N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N cũ, nay là Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày đăng ký 18/11/2019, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Nguyễn Thị

Q và anh Chu Văn N đều xác đinh tình cảm vợ chồng không còn, chị Nguyễn Thị Q yêu cầu ly hôn và anh Chu Văn N cũng nhất trí. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nguyễn Thị Q và anh Chu Văn N đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Chu Văn N có 01 con chung là cháu Chu Thị Hà N, sinh ngày 03/10/2019. Hiện nay cháu Chu Thị Hà N đang sống với anh Chu Văn N. Chị Nguyễn Thị Q yêu cầu anh Chu Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Chu Văn N cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy con chung là cháu Chu Thị Hà N hiện đang sống với anh Chu Văn N và cháu Chu Thị Hà N vẫn được chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ, toàn diện và để đảm bảo quyền lợi cho cháu, tránh cuộc sống bị xáo trộn. Do vậy Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Chu Thị Hà N, sinh ngày 03/10/2019 cho anh Chu Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Chu Văn N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị Nguyễn Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Chu Văn N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày), sống tại xã Hữu Lân, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Chu Văn N. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 16, đăng ký ngày 18/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N cũ, nay là Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Chu Thị Hà N, sinh ngày 03/10/2019 cho anh Chu Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Chu Văn N không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Nguyễn Thị Q thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lộc Bình;
- Các đương sự; NBVQLI HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai